

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng  
Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học,  
Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-KĐCLGD ngày 02 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội tại Phiên họp thứ XXVII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ kết quả Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) nghiên cứu và thẩm định Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, thẩm định Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;*

*Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín tại Phiên họp thứ XXVII của Hội đồng ngày 23 tháng 8 năm 2025 đã thông qua với tỉ lệ 100% (9/9) thành viên Hội đồng đã tán thành Nghị quyết.*

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Hội đồng thẩm định và thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 90,00%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

Đoàn chuyên gia đã thực hiện đánh giá ngoài độc lập, khách quan, minh bạch và tuân thủ đúng quy trình kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả đánh giá chương trình đào tạo đã được cơ sở giáo dục đại học đồng thuận hoàn toàn.

2. Kiến nghị Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội cần tham khảo các kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến các tồn tại nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo (*chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 trong Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng thống nhất đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

**Nơi nhận:**

- Trường ĐH KD&CNHN;
- Giám đốc TT KĐCLGD;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCLGD;
- Phòng CNCL;
- Trang TTĐT cea-avuc.edu.vn;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**

**CHỦ TỊCH**



**PGS.TS. Nguyễn Phương Nga**



## Phụ lục I



**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH Y KHOA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC,**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số: **40** /NQ-HĐKĐCLGD ngày **25** tháng **8** năm 2025 của Hội đồng

Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam)

| Tiêu chuẩn/Tiêu chí | Điểm theo tiêu chí | Điểm theo tiêu chuẩn |                         |                       |
|---------------------|--------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|
|                     |                    | Mức trung bình       | Số tiêu chí đạt yêu cầu | Tỉ lệ số tiêu chí đạt |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b> |                    | <b>3,67</b>          | <b>2</b>                | <b>66,67%</b>         |
| Tiêu chí 1.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 1.2        | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 1.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b> |                    | <b>3,67</b>          | <b>2</b>                | <b>66,67%</b>         |
| Tiêu chí 2.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 2.2        | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 2.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b> |                    | <b>3,67</b>          | <b>2</b>                | <b>66,67%</b>         |
| Tiêu chí 3.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 3.2        | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 3.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b> |                    | <b>4,33</b>          | <b>3</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 4.1        | 5                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 4.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 4.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> |                    | <b>4,00</b>          | <b>4</b>                | <b>80,00%</b>         |
| Tiêu chí 5.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.3        | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.4        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.5        | 5                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b> |                    | <b>4,14</b>          | <b>7</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 6.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.2        | 5                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.4        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.5        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.6        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.7        | 4                  |                      |                         |                       |

| Tiêu chuẩn/Tiêu chí        | Điểm theo tiêu chí | Điểm theo tiêu chuẩn |                         |                       |
|----------------------------|--------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|
|                            |                    | Mức trung bình       | Số tiêu chí đạt yêu cầu | Tỉ lệ số tiêu chí đạt |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>        |                    | <b>4,00</b>          | <b>5</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 7.1               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 7.2               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 7.3               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 7.4               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 7.5               | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>        |                    | <b>4,00</b>          | <b>5</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 8.1               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 8.2               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 8.3               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 8.4               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 8.5               | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>        |                    | <b>4,00</b>          | <b>5</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 9.1               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 9.2               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 9.3               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 9.4               | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 9.5               | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>       |                    | <b>4,00</b>          | <b>6</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 10.1              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.2              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.3              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.4              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.5              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 10.6              | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>       |                    | <b>3,80</b>          | <b>4</b>                | <b>80,00%</b>         |
| Tiêu chí 11.1              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 11.2              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 11.3              | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 11.4              | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 11.5              | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Điểm đánh giá chung</b> | <b>3,96</b>        | <b>3,93</b>          | <b>45</b>               | <b>90,00%</b>         |



## Phụ lục II



**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH Y KHOA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC,  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 40/NQ-HĐKĐCLGD ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng  
Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam)

Trường Đại học dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội được thành lập ngày 15 tháng 6 năm 1996 theo Quyết định số 405/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trường được đổi tên thành Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội theo Quyết định số 750/TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội được chuyển đổi sang loại hình trường đại học tư thục theo Quyết định số 671/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Khoa Y thuộc Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 190/QĐ-BGH ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội. Khoa Y được phép đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học hệ chính quy theo Quyết định số 5758/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 8860/BYT-K2ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế về việc cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Y đa khoa và ngành Dược học tại Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

***Kết quả kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2024 đã chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những điểm cần khắc phục theo kiến nghị của Hội đồng:***

### **I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Y khoa được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường và mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học.
2. Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Y khoa có đầy đủ thông tin theo quy định, đã định kỳ cập nhật nội dung, tài liệu, kiến thức.
3. Chương trình dạy học trình độ đại học ngành Y khoa được thiết kế, xây dựng dựa trên các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.
4. Nhà trường chính thức tuyên bố Triết lý giáo dục là “Ứng dụng thành thạo - Sáng tạo - Đổi mới - Phát triển” và được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, người học.





5. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được các bộ môn triển khai với đa dạng các hình thức phù hợp với lĩnh vực cần lượng giá, đảm bảo hướng đến việc đo lường chuẩn đầu ra của học phần.

6. Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên trên cơ sở khảo sát nhu cầu thực tiễn, đánh giá yêu cầu của chương trình đào tạo và được các khoa triển khai thực hiện theo kế hoạch của Trường.

7. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được triển khai thực hiện một cách có hệ thống, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực chuyên môn và nghiệp vụ của nhân viên.

8. Môi trường làm việc và học tập trong khuôn viên của Trường cởi mở, lành mạnh, thân thiện.

9. Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

10. Kết quả của việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ người học đã được Nhà trường/Khoa và các đơn vị liên quan sử dụng để phục vụ cho đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ này.

11. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học được tổng hợp, xử lý, phân tích theo từng nội dung, từng đối tượng và có đề xuất biện pháp khắc phục và cải tiến.

## **II. HỘI ĐỒNG KIẾN NGHỊ**

1. Nhà trường cần rà soát lại chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo để điều chỉnh và hoàn thiện lại chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với các chỉ báo cụ thể nhằm đảm bảo có thể lượng giá đo lường được mức độ người học đạt chuẩn đầu ra.

2. Nhà trường cần rà soát lại các đề cương chi tiết học phần để chỉnh sửa và biểu đạt lại các chuẩn đầu ra học phần còn định tính, đồng thời bổ sung phương pháp giảng dạy phù hợp.

3. Nhà trường cần rà soát lại chương trình dạy học, đề cương chi tiết học phần để xác định đúng mức độ đóng góp của từng học phần đối với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Nhà trường cần quy định chi tiết hơn về hoạt động của giảng viên trong việc hướng dẫn tự học cũng như giám sát, kiểm tra việc tự học để đảm bảo người học tăng cường rèn luyện các kỹ năng về tự chủ và trách nhiệm.

5. Nhà trường cần sử dụng các phần mềm chuyên dụng để phân tích các đề thi hết học phần, đánh giá phổ điểm, độ tin cậy và độ giá trị của các câu hỏi thi/đề thi nhằm xác định mức độ chính xác của các đề thi đo lường việc người học đạt chuẩn đầu ra học phần.

6. Nhà trường cần có quy định và chính sách hấp dẫn để thu hút và lôi cuốn được các ứng viên trẻ có trình độ cao đăng ký tuyển dụng vào làm giảng viên cơ hữu của Trường/Khoa.

7. Nhà trường cần đánh giá và tổng kết kết quả đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, nhân viên hằng năm để xây dựng kế hoạch đào tạo,



bồi dưỡng phù hợp với mục tiêu phát triển nhân lực của Nhà trường.

8. Nhà trường nên nghiên cứu để có những cơ chế/chính sách hỗ trợ/đầu tư nhiều các nguồn lực cho các câu lạc bộ, đặc biệt là các câu lạc bộ học thuật để có điều kiện thuận lợi hơn cho việc triển khai sân chơi chuyên sâu về chuyên môn theo các ngành đào tạo, phù hợp/bổ ích cho người học.

9. Nhà trường cần tăng kinh phí để mua bổ sung thêm các giáo trình, tài liệu tham khảo mới cho chương trình đào tạo ngành Y khoa.

10. Nhà trường/Khoa cần có chính sách khuyến khích đội ngũ giảng viên thực hiện những đề tài nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn hoạt động của ngành Y khoa trình độ đại học và các đề tài nghiên cứu khoa học/sáng kiến về đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

11. Nhà trường/Khoa cần nghiên cứu để có thể đưa ra được những chính sách, quy định phù hợp hơn với các nhóm đối tượng người học ngành Y khoa để tạo động lực khuyến khích người học chủ động đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học.

Trên đây là các nhóm giải pháp thuộc kiến nghị của Hội đồng, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng các giải pháp triển khai thực hiện và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học của Nhà trường. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần gửi báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam theo quy định. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo ngành Y khoa trình độ đại học được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đạt tiêu chuẩn chất lượng./.



2